



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THÁNG 4/2026

(Kèm theo báo cáo số 56/BC-UBND ngày 04/05/2026 của UBND xã Trung Chinh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế		So sánh lũy kế hết tháng báo cáo/dự toán
					Hết tháng trước tháng báo cáo	Hết tháng báo cáo	
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6=5/1
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III+IV+V)	88.876	8.882	12.095	51.239	63.334	71%
I	THU NỘI ĐỊA	88.876	8.882	12.095	51.239	63.334	71%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	0	0	0	0	0	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0	0	0	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	10.500	1.261	1.380	4.871	6.251	60%
4	Thuế thu nhập cá nhân	14.500	1.356	1.067	4.472	5.539	38%
5	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0	0	0	
6	Lệ phí trước bạ	11.000	817	918	2.979	3.896	35%
7	Thu phí, lệ phí	24	20	55	83	138	574%
8	Các khoản thu về nhà, đất	51.542	5.403	8.627	38.617	47.243	92%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	0	0	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.512	23	13	91	104	7%
-	Thu tiền sử dụng đất	50.000	5.380	8.614	38.523	47.137	94%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	30	0	0	2	2	7%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0	0	0	
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	0	0	0	
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	0	0	0	0	0	
	-Công nhận QSD đất				0	0	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0	0	0	
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	810	0	0	0	0	0%
13	Thu khác ngân sách	500	25	49	218	266	53%
II	THU TỪ DẦU THÔ	0	0	0	0	0	
III	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	0	0	0	0	0	
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0	0	
2	Thuế xuất khẩu	0	0	0	0	0	



TT	NỘI DUNG	Dự toán	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế		So sánh lũy kế hết tháng báo cáo/dự toán
					Hết tháng trước tháng báo cáo	Hết tháng báo cáo	
3	Thuế nhập khẩu	0	0	0	0	0	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0	0	
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0	0	
6	Thu khác	0	0	0	0	0	
IV	THU VIỆN TRỢ	0	0	0	0	0	
V	THU ĐÓNG GÓP	0	0	0	0	0	
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	240.631	56.724	6.175	87.550	93.725	39%
1	Từ các khoản thu phân chia	68.859	2.951	6.175	20.659	26.834	39%
2	Từ các khoản NSDP hưởng 100%	171.772	53.773	0	66.891	66.891	39%
C	THU CHUYỂN NGUỒN	0	50.566	0	50.566	50.566	



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THÁNG 4/2026
(Kèm theo báo cáo số 56/BC-UBND ngày 04/05/2026 của UBND xã Trung Chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế		So sánh lũy kế hết tháng báo cáo/dự toán
					Hết tháng trước tháng báo cáo	Hết tháng báo cáo	
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6=5/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ (I+II+III+IV)	240.631	17.337	14.471	54.479	68.950	29%
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	226.269	16.140	10.199	50.888	61.087	27%
1	Chi đầu tư phát triển	53.643	1.666	685	11.893	12.578	23%
1.1	Chi đầu tư cho các dự án	53.643	1.666	685	11.893	12.578	23%
1.2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0		0	0	0	
1.3	Chi đầu tư phát triển khác	0			0	0	
2	Chi thường xuyên	162.977	14.474	9.514	38.995	48.509	30%
2.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	80.340	6.191	5.993	16.985	22.977	29%
2.2	Chi khoa học và công nghệ	1.341	0	0	0	0	0%
2.3	Chi quốc phòng	3.450	458	223	687	910	
2.4	Chi an ninh	8.713	462	340	1.405	1.745	
2.5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	132	515	1.219	1.084	2.303	1744%
2.6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.813	234	42	257	299	16%
2.7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	236	0	0	0	0	0%
2.8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	581	0	0	0	0	0%
2.9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.806	1.005	262	1.013	1.276	45%
2.10	Chi hoạt động kinh tế	6.024	171	117	435	552	9%
2.11	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	38.004	3.543	1.284	8.244	9.528	25%
2.12	Chi bảo đảm xã hội	19.537	1.894	35	8.885	8.920	46%
3	Dự phòng ngân sách	5.519	0	0	0	0	0%
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	4.130	0	0	0	0	0%
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	14.362	1.197	4.272	3.591	7.863	55%
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	0	0	0	
2	Chi đầu tư các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác	0	0	1.370	0	1.370	
3	Chi thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	14.362	1.197	2.902	3.591	6.493	45%
III	Chi nộp ngân sách cấp trên	0	0	0	0	0	
IV	Chi chuyển nguồn	0	0	0	0	0	



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 04 NĂM 2026**

(Kèm theo báo cáo số 56/BC-UBND ngày 04/05/2026 của UBND xã Trung Chính)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng	Ghi chú
A	TỔNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP XÃ	5.519	
1	Dự toán giao	5.519	
2	Bổ sung nguồn dự phòng trong năm	0	
B	SỐ SỬ DỤNG ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO	0	
C	CÒN LẠI (=A-B)	5.519	



